| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHONG ĐIỀN**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 21/2021/QĐST-HNGĐ | *Phong Điền, ngày 26 tháng 02 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về con chung:* Chị Y và anh S công nhận có 01 người con chung tên là Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 22/12/2016. Hai anh chị thỏa thuận giao cháu T cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

*Về tài sản chung:* Các đương sự xác nhận không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Nguyên đơn (chị Y) tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001013 ngày 06/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoàn trả lại cho chị Y 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Anh S tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

*Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- UBND xã P;
- Án văn.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Đạt**